



sāi chē

塞车

verb phrase/noun · traffic jam

Example Sentences

Jīn tiān zǎo shàng sāi chē le
今天早上塞车了。

There was a traffic jam this morning.

Yīn wèi sāi chē tā chí dào le
因为塞车，他迟到了。

Because of the traffic jam, he was late.

Dà chéng shì lǐ sāi chē shì cháng shì
大城市里塞车是常事。

Traffic jams are common in big cities.

Trace each character, then write the word on your own.

塞	塞	塞	塞	塞	塞	塞	塞	塞	塞	塞
塞	塞	塞	塞	塞						

车	车	车	车	车	车	车				

